

Số: 74/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2024/VDS-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, phân chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Chị Lê Thị B, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hoàng Thanh T và chị Lê Thị B kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 06/10/2014. Anh T và chị B đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Vì vậy anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay anh chị xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh T, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị B.

[2] Về con chung: Anh T, chị B có 02 con chung là cháu Hoàng Thùy C, sinh ngày 22/11/2014 và cháu Hoàng Thu H, sinh ngày 27/7/2016. Anh chị thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Hoàng Thùy C và Hoàng Thu H cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T chưa yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 02 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Thanh T và chị Lê Thị B.

- Về con chung: Anh T, chị B có 02 con chung là cháu Hoàng Thùy C, sinh ngày 22/11/2014 và cháu Hoàng Thu H, sinh ngày 27/7/2016. Anh chị thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Hoàng Thùy C và Hoàng Thu H cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Thanh T nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001318 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên